



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 12302
	Giờ: Ngày 15 tháng 04 năm 11

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

Hà Nội, Tháng 4/2011

MỤC LỤC

I.	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	2
II.	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.....	4
	A. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH.....	5
	B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	7
	C. HUY ĐỘNG VỐN & ĐẦU TƯ DỰ ÁN.....	15
	D. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.....	25
IV.	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2011.....	28
V.	THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.....	30
	A. CƠ CẤU TỔ CHỨC.....	30
	B. GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CHỦ CHỐT (31/03/2011). 32	
	C. QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....	35
VI.	THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG.....	36
	A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010.....	36
	B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010.....	37
	C. THÙ LAO CỦA HĐQT/BAN KIỂM SOÁT/TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2010.....	38
	D. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN NĂM 2010.....	39
	E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (13/03/2011).....	39
VI.	CÁC PHỤ LỤC:.....	40
	A. Phụ lục 1: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2010.....	40



“Sứ mệnh của chúng ta là xây dựng Vinafco trở thành nhà cung cấp dịch vụ 3PL và tổ chức chuỗi cung ứng hàng đầu tại Việt Nam”

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kinh tế thế giới năm 2010 mặc dù có những dấu hiệu phục hồi sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đều gặp nhiều khó khăn trong hoạt động do các tác động của lạm phát, tỷ lệ lãi suất ngân hàng cao, kênh huy động vốn cho đầu tư và sản xuất kinh doanh hạn chế...

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, dịch vụ vận tải, kho bãi, Vinafco cũng chịu ảnh hưởng lớn từ những biến động nêu trên. Bám sát mục tiêu của năm 2010 đã được ĐHCĐ thông qua là *“Tập trung phát triển SXKD & triển khai các dự án đầu tư hiện tại nhằm tăng doanh thu/lợi nhuận trong các năm kế tiếp”*, với sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo cán bộ nhân viên và sự hỗ trợ tích cực của các nhà đầu tư chiến lược, Vinafco đã vượt qua nhiều khó khăn chung của thị trường cũng như khó khăn riêng là doanh nghiệp để đạt được một số kết quả nhất định trong năm 2010 như sau:

- Doanh thu từ hoạt động SXKD (không bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính) năm 2010 đạt 420 tỷ đồng bằng 115% so với doanh thu 2009. Điểm đáng lưu ý trong cơ cấu doanh thu chính là 100% doanh thu của 2010 là từ hoạt động “nòng cốt – core business” (kho bãi, vận tải, giao nhận, phân phối) trong khi cơ cấu doanh thu 2009 lại gồm một phần khá lớn từ hoạt động “phụ trợ” (thương mại, nhập ủy thác...).
- Hoàn thành việc xây dựng và được HĐQT phê duyệt *“Dự án phát triển chiến lược giai đoạn 2011-2020”* với sự hỗ trợ của Công ty tư vấn hàng đầu của Úc. Theo chiến lược phát triển này, Vinafco sẽ phát triển trở thành công ty cung cấp dịch vụ 3PL hàng đầu tại Việt Nam khi giai đoạn 1 của chiến lược kết thúc vào cuối năm 2014. Trên cơ sở đánh giá thành công của Giai đoạn 1 sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư và phát triển trong giai đoạn 2 (2015-2020).
- Triển khai đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống cơ sở hạ tầng, kho bãi tại Thanh Trì/Gia Lâm- Hà Nội; Đình Vũ-Hải Phòng; Hòa Cầm-Đà Nẵng; Bình Dương; Hậu Giang, làm tiền đề cho việc xây dựng và phát triển theo chiến lược đã thông qua.
- Hoàn thành và đưa vào ứng dụng Bộ nhận dạng thương hiệu mới (CIP) trong năm 2010.
- Thành công trong việc phát hành 150 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi trong hoàn cảnh thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn khẳng định quyết tâm và tin tưởng của các nhà đầu tư vào Vinafco.
- Thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2009 và được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, công ty đã đạt được một số kết quả khả quan trong việc thực hiện mục tiêu cơ cấu nguồn vốn tập trung cho đầu tư vào hệ thống kho bãi, phương tiện theo định hướng chiến lược.

Quý I năm 2011 đã qua đi, kinh tế thế giới tuy tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chưa vững chắc và còn nhiều khó khăn. Các nền kinh tế có tác động, ảnh hưởng lớn đến Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản tăng trưởng chậm. Những biến động gần đây trên thế giới như cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước, bất ổn về chính trị tại Trung Đông và các nước Châu Phi làm cho giá dầu tăng liên tục, thảm họa động đất, sóng thần, hạt nhân tại Nhật Bản..., là những yếu tố bất lợi tác động tiêu cực mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước.

Trong bối cảnh khó khăn này, để đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra là trở thành **“Nhà cung cấp dịch vụ 3PL và giải pháp Chuỗi Cung Ứng hàng đầu tại Việt Nam”**, Vinafco cần tập trung nghiên cứu và triển khai thận trọng các kế hoạch trong năm 2011, chú trọng đến các nhiệm vụ trọng tâm là:

- Tăng trưởng doanh thu từ hoạt động cốt lõi (core business). Dự kiến doanh thu 2011 sẽ tăng gấp đôi doanh thu 2010 đạt hơn 825 tỷ đồng và tiếp tục duy trì đà tăng trưởng bền vững 40% -50% cho các năm tiếp theo cho đến khi kết thúc giai đoạn 1 của Chiến lược phát triển Vinafco vào cuối năm 2014.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án đầu tư chuỗi kho bãi theo tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống phần mềm quản lý kho (WMS) và phương tiện vận tải.
- Bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý (bao gồm cả nước ngoài) và nhân viên đủ năng lực triển khai dịch vụ theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng yêu cầu của khách hàng là các công ty đa quốc gia cũng như các công ty trong nước.

Năm 2011 là năm khởi đầu, mang tính đột phá của một “Vinafco mới” và có tính chất quyết định trong việc thực hiện thành công các mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển Vinafco 2011-2020, Vinafco sẽ phấn đấu hết sức mình để đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và của toàn bộ tập thể lãnh đạo và nhân viên.

Trịnh Ngọc Hiến

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Hà Nội, tháng 4 năm 2011

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Vinafco được thành lập năm 1987, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Năm 2001, Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Trung ương. Năm 2002 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Vinafco, tên viết tắt “Vinafco”. Sau 9 năm hoạt động theo mô hình mới, Công ty liên tục tăng vốn điều lệ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đến 31/12/2008 vốn điều lệ Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của công ty cổ phần Vinafco được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã giao dịch là VFC và chính thức giao dịch từ ngày 24 tháng 07 năm 2006.

Kể từ thời điểm này, cơ cấu cổ đông của công ty cũng đã có sự thay đổi đáng kể với việc tham gia của các tập đoàn & tổ chức tài chính, các quỹ đầu tư lớn ở trong và ngoài nước: tập đoàn HB, công ty Ánh Sáng, quỹ đầu tư VIG (Anh Quốc), công ty Golden Age, Deutsche Bank AG London.



Hiện nay công ty đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistics, vận tải hàng hóa bằng đường biển/đường bộ; dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước và quốc tế; kinh doanh kho bãi, trung tâm phân phối... Đội ngũ cán bộ nhân viên hiện tại của Vinafco là gần 500 người.

Từ năm 1996, cùng với hai đối tác Nhật Bản Sumitomo, Suzuyo và Công ty Điện tử Hanel, Vinafco đã thành lập Công ty TNHH Tiếp vận Thăng long (Draco) để kinh doanh trong lĩnh vực logistics, vận tải, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2006, Công ty chuyển mô hình tổ chức thành Tổng công ty. Công ty đã hoàn tất việc chuyển đổi các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập 100% vốn của Vinafco.

Năm 2008, với định hướng phát triển của công ty tập chung chủ yếu vào mảng dịch vụ vận tải, kho bãi, phân phối v.v. được các ĐHCĐ thường niên năm 2007 & 2008 thông qua, công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng công ty Thép Việt Nga cho đối tác cũng như thực hiện việc sát nhập các hoạt động nòng cốt của Vinafco vào các công ty thành viên với mục tiêu “chuyên môn hóa sâu” vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Vi những những thành tích và đóng góp xuất sắc ấy trong sự nghiệp phát triển đất nước từ năm 1996 tới nay, Công ty cổ phần Vinafco đã nhiều lần được nhận những phần thưởng cao quý của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hoá - Thông tin, của Thủ tướng Chính phủ, và rất nhiều phần thưởng dành cho các cá nhân xuất sắc của công ty. Đặc biệt công ty đã vinh dự được Nhà nước trao tặng “Huân chương lao động hạng ba” vào năm 1997, “Huân chương lao động hạng hai” vào năm 2002, và “Huân chương lao động hạng nhất” vào năm 2008.

Vinafco đã xác định rõ ràng mục tiêu của mình trong Chiến lược phát triển 2011-2020 được HĐQT thông qua là phát triển trở thành “Nhà cung cấp dịch vụ 3PL và giải pháp Chuỗi Cung Ứng hàng đầu tại Việt Nam” vào năm 2014.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2010 là năm kinh doanh thành công đối với Vinafco trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường kinh tế Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của công ty được duy trì ổn định. Công ty duy trì được những khách hàng truyền thống trong khi không ngừng mở rộng cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới. Với mục tiêu hàng đầu luôn là cung cấp chuỗi giá trị 3PL cho khách hàng, do vậy các khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Vinafco luôn yên tâm về chất lượng dịch vụ và sự hiệu quả về chi phí. Đối với hoạt động tài chính, công ty đã nhận được sự tin tưởng, kỳ vọng từ các nhà đầu tư khi huy động thành công trái phiếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hoạt động khác tại công ty như tái cấu trúc các bộ phận phòng ban hướng đến tinh giảm bộ máy, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng được công ty thực hiện tốt trong năm qua. Dưới đây là những số liệu chi tiết cho kết quả kinh doanh năm 2010 của công ty.

Chỉ tiêu mức sinh lời	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2009	Chênh lệch TH2010/KH 2010	Chênh lệch TH2010/TH2009
Doanh thu thuần	VND (000)	421,490,614	521,578,913	363,545,291	81%	116%
Giá vốn	VND (000)	380,578,435	476,871,005	332,410,306	80%	114%
Lãi gộp	VND (000)	40,912,179	44,707,908	31,134,984	92%	131%
Hệ số Giá vốn/ Doanh thu thuần	%	90.3%	91.4%	91.4%	-1.1%	-1.1%
Lợi nhuận trước thuế	VND (000)	23,469,450	16,819,979	24,555,147	140%	96%
Lợi nhuận sau thuế	VND (000)	17,442,429	12,614,985	19,681,221	138%	89%
Hệ số LNST/DTT	%	4.14%	2.42%	5.41%	1.7%	-1.3%
Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2009	Chênh lệch TH2010/KH 2010	Chênh lệch TH2010/TH2009
Tổng Tài sản		558,383,944	n/a	368,805,204	n/a	189,578,740
Các khoản phải thu khách hàng		77,288,220	n/a	70,440,630	n/a	6,847,590
Các khoản phải trả nhà cung cấp		39,438,640	n/a	37,339,450	n/a	2,099,190
Nợ ngắn hạn		80,062,330	n/a	72,896,076	n/a	7,166,253
Nợ dài hạn		180,864,279	n/a	11,396,468	n/a	169,467,811
Vốn chủ sở hữu	VND (000)	297,220,079	n/a	280,576,422	n/a	16,643,657
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	47%	n/a	23%	n/a	23.9%
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	VND (000)	20,959,706	n/a	80,594,989	n/a	(59,635,283)
Tổng dòng tiền thuần trong kỳ	VND (000)	7,746,850	n/a	(34,007,662)	n/a	41,754,512
Số ngày hoàn thành dịch vụ bình quân	Ngày	35	40	42	-5	-7
Số ngày thu nợ khách hàng bình quân	Ngày	23	25	37	-2	-14
Số ngày trả nợ nhà cung cấp bình quân	Ngày	35	30	35	5	0
Hệ số Doanh thu thuần/Số nhân viên	VND (000)	872,651	1,086,623	727,535	(213,971)	145,116
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Số nhân viên	VND (000)	36,113	26,28	37,829	36,086	(1,716)
Lợi nhuận trên vốn - ROE	%	8.72%	6.31%	9.84%	2.41%	-1.12%

Nguồn: Số liệu báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2010 và báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán năm 2009

Mặc dù có sự điều chỉnh lớn về cơ cấu tổ chức điều hành khai thác hoạt động kinh doanh Vận tải biển được thực hiện giữa năm 2010, các hoạt động của công ty vẫn ổn định và có phần tăng trưởng so với năm 2009 (doanh thu vượt 116% so với thực hiện năm 2009) các chỉ số tài chính của Công ty cổ phần Vinafco có mức tăng trưởng đáng kể, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 138% kế hoạch đặt ra.

Lãi trước thuế TNDN tăng 140% so với kế hoạch năm 2010.

Tổng tài sản năm 2010 tăng 189.5 tỷ so với năm 2009 (151%), vốn chủ sở hữu tăng gần 17 tỷ so với năm 2009.

Cùng với việc siết chặt công tác quản lý công nợ phải thu và gia tăng việc sử dụng vốn từ nhà cung cấp bằng cách kéo dài thời hạn trả phí, Vinafco đã từng bước chuyển mình trong công tác quản lý cũng như phản ánh bước đầu “vị thế” của Vinafco trên thị trường.

Chỉ số vòng quay phải thu (Doanh thu thuần/Phải thu bình quân) tăng (1.4 / 1.3) đồng thời chỉ số vòng quay phải trả (Giá vốn/Phải trả bình quân) giảm (2.27 / 2.74) phản ánh năng lực quản lý vốn lưu động hiệu quả hơn năm trước.

Hoạt động đầu tư vào các dự án trung tâm logistic của Công ty thực hiện trong năm theo đúng lộ trình đầu tư đã được phê duyệt. Các khoản đầu tư này sẽ có ảnh hưởng tích cực tới kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

Tài sản cố định tăng 51 tỉ đồng (tăng 97%) phần lớn tại khoản mục Đầu tư XD CB

Bảng: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD theo từng công ty và hợp nhất toàn VFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD THỰC HIỆN 2010 & THỰC HIỆN 2009

Đơn vị: 000 VND

	Việt Nam/Phong Office			Việt Trì/Bến Sùng/Compan			TAS			Tập Yết/Luân/Compan			Tập sử/The Hotline			Hợp nhất/consolidation		
	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed	Thực hiện 2010/Implement	Thực hiện 2009/Implement	Tỷ lệ hoàn thành/Completed
CHI TRUFUNDEX																		
Doanh thu/revenue	133.912.859	108.425.187	124%	197.119.205	119.357.782	165%	122.394.225	62.049.601	197%	106.113.191	142.653.525	73%	145.000	145.000	100%	421.490.614	361.545.291	115%
Giá vốn/COGS	133.111.292	95.853.873	139%	177.534.271	122.487.363	145%	116.755.506	57.547.978	203%	96.396.443	123.528.956	78%	-	-	0%	380.576.435	332.410.306	116%
Lãi gộp/Gross margin	801.567	12.571.314	6%	19.584.934	(3.129.582)	(43)%	5.638.719	4.591.622	125%	9.716.748	18.124.569	54%	145.000	-	0%	49.912.179	21.134.984	155%
Chi phí bán hàng/Selling exp	-	24.965	-	-	34.248	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý/G&A exp	19.315.771	12.134.313	159%	5.887.619	5.808.637	101%	-	2.882.098	0%	2.142.701	11.659.322	19%	1.660.203	-	0%	36.515.467	30.942.565	107%
Lợi nhuận thuần/Operating Profit	(18.514.204)	426.037	(446)%	13.697.615	(8.971.666)	(153)%	5.628.719	1.639.524	343%	7.574.047	6.665.248	114%	(1.315.203)	-	0%	4.326.712	133.287	3641%
Hợp đồng tài chính/Financial activity																		
Doanh thu/revenue	25.007.211	29.722.806	84%	367.927	641.291	0%	121.865	77.859	0%	342.511	191.593	0%	-	-	0%	25.087.315	29.247.044	88%
Chi phí/expense	2.686.724	3.101.612	87%	703.669	1.263.235	57%	936.734	229.220	409%	34.641	896.676	4%	5.021.882	-	0%	9.131.250	4.083.538	226%
Lợi nhuận từ HĐ tài chính/Profit from financial activity	22.320.488	26.621.194	84%	(336.042)	(601.244)	(66)%	(814.869)	(151.361)	(58)%	307.870	(706.083)	(44)%	(6.011.882)	-	0%	16.485.565	25.163.506	65%
Hợp đồng khác/Other activity																		
Doanh thu/revenue	6.975.747	1.059.537	658%	482.672	785.921	61%	342.412	32.882	0%	590.027	1.384.030	0%	-	-	0%	7.252.510	3.029.086	237%
Chi phí/expense	3.562.426	1.374.529	109%	740.201	683.249	0%	269.794	18.922	0%	17.551	1.511.464	0%	-	-	0%	4.615.336	3.770.611	122%
Lợi nhuận từ HĐ khác/Profit from other activity	3.413.322	(314.992)	(463)%	(258.229)	102.672	(254)%	72.618	13.961	0%	572.476	32.567	0%	-	-	0%	2.637.174	(741.526)	(312)%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	7.219.406	26.527.229	27%	13.102.245	(9.471.267)	(130)%	4.286.468	1.921.214	335%	8.455.203	5.992.252	141%	(6.337.082)	-	0%	23.469.451	24.555.147	97%
Thuế TNDV/Corporate Income Tax	6.479.692	4.483.158	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.077.021	6.138.787	-
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	739.714	21.679.081	-	(9.471.267)	-	-	1.921.214	-	335%	8.455.203	5.992.252	141%	(6.337.082)	-	0%	17.442.430	18.416.360	94%

Chi phí quản lý

Chi phí quản lý	Thực tế	Kế hoạch	Chênh lệch	% hoàn thành kế hoạch
Lương	10,926,478	12,967,092	(2,040,614)	84%
Chi phí nhân công (lương, thưởng, bảo hiểm)	10,926,478	12,967,092		
Chi phí hoạt động	8,359,293	10,236,252	(1,876,958)	82%
Chi phí đi lại	328,886	929,256	(600,370)	35%
Tiếp khách	396,179	1,096,132	(699,953)	36%
Tuyển dụng, đào tạo	12,234	260,000	(247,766)	5%
Khấu hao, thiết bị văn phòng được phân bổ	1,108,712	2,782,100	(1,673,388)	40%
Chi phí hoạt động (internet, điện thoại, văn phòng phẩm, v...v)	6,513,282	5,168,764	1,344,519	126%
Tổng cộng	19,315,771	23,203,344		

Chi phí quản lý gồm chi lương cho bộ phận quản lý, các phòng ban chức năng như Sales, Nhân sự - hành chính, v...v phát sinh thực tế chỉ tới 84% kế hoạch chứng tỏ đã được Công ty quản lý rất chặt chẽ.

Các khoản chi phí phục vụ hoạt động quản lý điều hành chung có tăng so với kế hoạch một phần là do phát sinh tăng của các chi phí liên quan tới thông tin liên lạc (đường truyền internet) phục vụ hệ thống phần mềm EXACT, các chi phí vận hành phương tiện quản lý (thiết bị văn phòng, ô tô, thiết bị Tòa nhà 36 phạm hùng...)

Hoạt động tài chính

Đơn vị tính ngàn đồng

Chỉ tiêu	Thực tế	Kế hoạch	Chênh lệch	% hoàn thành kế hoạch
Doanh thu	25,007,211	10,000,000	15,007,211	
Lãi tiền gửi	16,431,689	3,000,000	13,431,689	548%
Lãi cổ tức từ Công ty Tiếp vận Thăng Long	7,175,523	7,000,000	175,523	103%
Lãi bán phần vốn tại Công ty khoáng sản	1,400,000	-	1,400,000	
Chi phí	2,686,724	2,350,000	336,724	
Chi phí lãi vay	5,429,866	2,350,000	3,079,866	231%
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(2,743,142)	-	(2,743,142)	
Lãi từ hoạt động tài chính	22,320,488	7,650,000	14,670,488	

Hoạt động tài chính: Việc sử dụng khoản tiền trái phiếu được huy động chưa được giải ngân ngay vào các dự án của VFC để gửi tiết kiệm ngân hàng đã đem lại khoản lãi tiền gửi đáng kể cho khối văn phòng. Chênh lệch giữa lãi trái phiếu huy động phải trả là với lãi suất tiền gửi ngân hàng đem lại khoản lợi cho văn phòng là hơn 8 tỉ đồng. Đồng thời một phần không nhỏ chi phí lãi vay của phần trái phiếu đã được vốn hóa tương ứng với phần tiền đã giải ngân cho các dự án.

Công ty Vận Tải Biển

Chỉ tiêu	VTC 25			Tàu thuê			Biển Đông Việt			Dịch vụ trung chuyển			Y1 Containers			Quản lý			Dự báo			
	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	Thực hiện	Kế hoạch	CL %	
Hoạt động SXKD																						
Doanh thu	64,912,001	45,329,188	140%	100,669,020	61,644,705	163%	3,350,542	4,388,498	76%	24,268,982	35,513,185	68%	3,916,829	9,792,228	40%				197,119,505	156,667,592	126%	
Giá vốn	57,517,711	42,086,333	134%	90,461,639	58,394,522	155%	2,303,781	3,744,373	62%	23,490,465	34,478,791	68%	3,800,674	9,507,617	40%				177,534,271	148,916,988	119%	
Lãi gộp	7,394,290	2,342,855	316%	10,207,381	3,450,183	295%	1,046,761	644,126	163%	878,517	1,034,394	79%	116,155	285,211	41%				19,585,234	7,750,604	253%	
Chi phí quản lý																			5,887,619	4,414,500	133%	
Lợi nhuận trước thuế																			13,697,615	3,336,095	410%	
Hoạt động TC																						
Doanh thu tài chính																367,927	-	n/a	367,927	-	n/a	
Chi phí tài chính																70,969	980,000	72%	70,969	980,000	72%	
Lãi từ tài chính																(34,042)	(980,000)		(34,042)	(980,000)	34%	
Hoạt động khác																						
Doanh thu từ khác																42,072	500,000	96%	42,072	500,000	96%	
Chi phí từ khác																740,901	-	n/a	740,901	-	n/a	
Lãi từ hoạt động khác																(268,829)	500,000	-52%	(268,829)	500,000	-52%	
Lãi từ trước thuế																			13,002,745	2,856,095	458%	

Nhìn chung hoạt động kinh doanh của vận tải biển 6 tháng cuối năm 2010 gặp nhiều thuận lợi khi từ tháng 7 thị trường có sự tăng cao về giá vận chuyển, thậm chí có thời điểm đạt mức cao nhất so với nhiều năm trước là 5,5 triệu/count 20 và 10,5 triệu/count 40. Thêm vào đó sản lượng vận chuyển từ tháng 7 cũng tăng cao và công ty đã vận hành được tối đa công suất của tàu Vinafco 25 và tàu thuê đã đóng góp vào kết quả lãi gộp 19,7 tỉ.

Bằng việc nhanh chóng rút ngắn thời gian sửa chữa của tàu VFC25 cũng như chủ động thu xếp thuê phương tiện, Vận tải biển đã tăng thêm khối lượng lớn sản lượng vận chuyển trong năm 2010 so với dự kiến, qua đó vượt kế hoạch doanh thu và lãi gộp (143% và 316%)

Trong năm 2010, Vận tải biển đã tiến hành rà soát thanh lý một số lượng vỏ container, đồng thời giá cước thuê vỏ có thời điểm được tính thấp nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng phương tiện của mình do đó doanh thu thực hiện của hoạt động này chỉ đạt 40% kế hoạch.

Công ty Tiếp Vận

Chỉ tiêu	Tiền Sơn			Bạch Đằng			Dự án			Quản lý			Tổng hợp		
	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %
Hoạt động SXKD															
Doanh thu	28,017,771	29,525,500	95%	41,084,640	28,011,917	147%	37,010,780	51,575,440	72%				106,113,191	109,112,857	97%
Gia vốn	24,974,888	23,213,702	108%	36,885,121	25,929,112	142%	34,536,434	47,560,225	73%				96,396,443	96,703,039	100%
Lãi gộp	3,042,883	6,311,798	48%	4,199,519	2,082,805	202%	2,474,346	4,015,215	62%	-	-	-	9,716,748	12,409,818	78%
Chi phí quản lý										2,142,701	2,336,975	92%	2,142,701	2,336,975	92%
Lợi nhuận thuần	3,042,883	6,311,798	48%	4,199,519	2,082,805	202%	2,474,346	4,015,215	62%	(2,142,701)	(2,336,975)	92%	7,574,047	10,072,843	75%
Hoạt động TC															
Doanh thu tài chính										342,511			342,511	-	
Chi phí tài chính										34,641	1,400,000	2%	34,641	1,400,000	2%
Lãi từ h/đ tài chính										307,870	(1,400,000)	-22%	307,870	(1,400,000)	-22%
Hoạt động khác															
Doanh thu h/đ khác										590,927			590,927	-	
Chi phí h/đ khác										17,551			17,551	-	
Lãi từ h/đ khác										573,376			573,376	-	
Lãi thuần thuế	3,042,883	6,311,798	48%	4,199,519	2,082,805	202%	2,474,346	4,015,215	62%	(1,261,455)	(3,736,975)	34%	8,455,293	8,672,843	97%

Dịch vụ quản lý cho thuê kho bãi, xếp dỡ (tại trung tâm Tiên sơn và Bạch đằng) có tổng doanh thu và lãi gộp tăng mạnh so với kế hoạch đề ra trong đó doanh thu tăng là 123% và lãi gộp tăng là 170%. Nguyên nhân chính của việc tăng doanh thu tăng là tỉ lệ lấp đầy của kho tăng mạnh so với năm trước.

Tuy nhiên hoạt động của bộ phận Dự án không được như mong đợi, chỉ đạt 72% doanh thu kế hoạch nên điều này làm ảnh hưởng chung đến lãi gộp của cty Tiếp vận.

Hoạt động dịch vụ vận tải 3PL không hoàn thành kế hoạch doanh thu, lãi gộp có nguyên nhân chính là mảng khai thác khách hàng mới dự kiến đạt doanh thu 8 tỉ, lãi gộp 0.9 tỉ không đạt được kế hoạch. Trong mảng khai thác khách hàng mới công ty Tiếp Vận đã khai thác Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam với doanh số thực tế là 4,8 tỉ đồng tuy nhiên lỗ từ khách hàng này là 1,7 tỉ đồng.

Chi phí của hoạt động tài chính của Công ty Tiếp Vận thấp hơn so với kế hoạch đề ra là do Tiếp Vận đã quản lý điều tiết tốt dòng tiền rút ngắn vòng quay của các khoản phải thu và chủ động trong việc thu tiền từ khách hàng; Chính đôn bẫy thông qua việc tiết kiệm chi phí lãi vay này là một nguyên nhân quan trọng giúp Tiếp vận gần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đề ra cho cả công ty.

Công ty Dịch vụ và vận tải (T&S)

ĐVT: 000 VND																		
Chỉ tiêu	Điều hành 1			Điều hành 2			Giáo nhân đại lý			Đại xe (90% tải 00)			Quản lý			Tổng hợp		
	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %	Thực hiện	Kế hoạch	C/L %
Hoạt động SXKD																		
Doanh thu	33,462,943	63,156,880	83%	28,608,896	25,385,856	113%	25,211,530	31,768,800	79%	15,100,835	13,049,429	116%				122,384,225	133,360,965	92%
Gia vốn	51,147,181	59,774,157	86%	28,009,852	23,947,825	117%	22,492,496	28,125,159	80%	15,105,977	12,903,171	117%				116,755,506	124,750,313	94%
Lãi gộp	2,315,762	3,382,723	68%	599,044	1,438,031	42%	2,719,034	3,643,641	75%	(5,122)	146,258	-4%				5,628,719	8,610,652	65%
Chi phí quản lý													3,552,348	4,503,100	79%	3,552,348	4,503,100	79%
Lợi nhuận thuần																2,076,371	4,107,552	51%
Hoạt động TC																		
Doanh thu tài chính													121,865			121,865		-
Chi phí tài chính													936,734	1,000,000		936,734	1,000,000	94%
Lãi từ tài chính																(814,869)	(1,000,000)	81%
Hoạt động khác																		
Doanh thu h/d khác													342,412			342,412		-
Chi phí h/d khác													269,794			269,794		-
Lãi từ h/d khác																72,618		-
Lãi từ trước thuế																1,334,120	3,107,552	43%

Hoạt động Vận tải ô tô có doanh thu thực tế là 15 tỉ đồng vượt kế hoạch đề ra là 2 tỉ đồng, tương ứng 115% kế hoạch. Phần lớn là do cung cấp dịch vụ vận tải 3PL mà đối tác là Tiếp Vận (chiếm tới 65% doanh thu thực hiện, tương đương 9 tỷ 895 triệu đồng). Mặc dù doanh thu vượt kế hoạch đề ra, lãi gộp của dịch vụ Vận tải ô tô không hoàn thành kế hoạch khi bị lỗ là 153 triệu. Nguyên nhân chủ yếu do giá vốn có tốc độ tăng cao hơn tốc độ tăng của doanh thu. Chi phí giá vốn của đội xe giao động từ 1,2 tỉ đồng đến 1,4 tỉ đồng/tháng. Các yếu tố như chi phí tiền lương và chi phí khấu hao biến động ổn định vào khoảng 300 triệu/tháng (trong đó chi phí lương là 170 triệu, chi phí khấu hao là 130 triệu). Chi phí nguyên vật liệu đầu vào như xăng, dầu chiếm tỉ trọng lớn, giao động trong khoảng 75% trong cơ cấu giá vốn tăng giá trong năm 2010 là nguyên nhân chính làm cho tốc độ tăng của giá vốn lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu

Hoạt động vận tải chuyên tuyến tại Điều hành 2 (vận chuyển hàng luân) có doanh thu vượt kế hoạch, tuy nhiên lãi gộp chỉ đạt 42%.

C. HUY ĐỘNG VỐN & ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. HUY ĐỘNG & CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Phát hành trái phiếu chuyển đổi:

Tháng 9 năm 2010, Công ty đã hoàn tất phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các nhà đầu tư chiến lược tổng giá trị 150 tỷ đồng, kết quả như sau:

	Thông tin phát hành	Công ty TNHH Thương mại HB Toàn Cầu	Quỹ đầu tư VIG
Khối lượng	150 tỷ đồng	120.000.000.000 VNĐ (Một trăm hai mươi tỷ đồng)	30.000.000.000 VNĐ (Ba mươi tỷ đồng)
Mệnh giá:	100.000 VNĐ (Một trăm nghìn)/ 1 trái phiếu		
Giá phát hành:	100% mệnh giá		
Thời hạn:	1 năm		
Ngày phát hành:	30/09/2010		
Ngày đáo hạn:	30/09/2011		
Lãi suất	8.1%/năm		
Điều kiện	Lựa chọn chuyển đổi cổ phiếu tỷ lệ 1:1		

Mức lãi suất 8.1%/năm là rất có lợi cho công ty, đặc biệt tại thời điểm huy động vốn tình hình thị trường vốn là rất khó khăn và đắt đỏ

Tín dụng huy động vốn lưu động (VLD) phục vụ HĐXD

	Thông tin chung	Cty CP Vinafco	Cty Tiếp Vận	Cty Vận tải biển	Cty Vận tải và DV
Hạn mức tín dụng vốn lưu động	60 tỷ	30 tỷ đồng	10 tỷ đồng	10 tỷ đồng	10 tỷ đồng
Ngân hàng cấp tín dụng	Vietinbank				
Tài sản đảm bảo	Tàu VFC 25				
Lãi suất	Điều chỉnh theo lãi cho vay công bố VietinBank khoảng 14%/năm				
Doanh số tín dụng thực hiện		54 tỷ	Không thực hiện	8.7 tỷ	23 tỷ
Chi phí lãi vay thực hiện		360.8 triệu đồng	-	229 triệu đồng	886.2 triệu đồng

Trong năm Công ty đã thu xếp và điều hòa cho các đơn vị thành viên có được các hạn mức tín dụng phục vụ nhu cầu vốn lưu động.

Trong năm 2010, bắt nguồn từ sự khó khăn của thị trường tài chính tại Việt nam (1) hầu hết các ngân hàng bắt buộc phải hoàn thành nâng vốn điều lệ, (2) sự điều chỉnh “hành chính” của ngân hàng nhà nước vào cơ chế hoạt động của lãi suất tín dụng, do đó hoạt động tín dụng bị ảnh hưởng nặng nề. Việc có được một nguồn tín dụng ổn định, lãi suất tốt phục vụ kịp thời hoạt động SXKD là một yếu tố quan trọng góp phần ổn định hoạt động SXKD của toàn VFC.

Tái cơ cấu nguồn vốn năm 2010.

Cty cổ phần Vinafco đã trình và được HĐQT phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản mục đầu tư, theo đó thay vì tiến hành các thủ tục định giá và thanh lý trực tiếp thông qua các giao dịch mua bán để tạo nguồn tiền thực hiện đầu tư dự án phát triển kho-bãi, Công ty đang thực hiện đàm phán để “hoán đổi” dự án.

Thực hiện nội dung tại tờ trình HĐQT về các giao dịch tái cơ cấu đã được chấp thuận, mục tiêu là Vinafco sẽ trở thành chủ hữu toàn bộ phần vốn điều lệ tại công ty TNHH Đình Vũ, qua đó có điều kiện triển khai phát triển hệ thống kho Logistic, bãi container... tại Hải Phòng phục vụ chiến lược phát triển chung của công ty.

2. ĐẦU TƯ DỰ ÁN

So với các năm trước đây, năm 2010 và 3 tháng đầu năm 2011 ghi nhận bước chuyển biến tích cực đáng kể trong trong tác đầu tư. Các hạng mục dự án được phê duyệt đã và đang được triển khai đồng bộ quyết liệt trong đó đáng chú ý là các dự án liên quan đến phát triển hệ thống kho bãi tại cả 3 miền Bắc – Trung – Nam.

Dự án kho bãi Thanh Trì gần như là hoàn thành xong cơ bản các hạng mục đầu tư, việc giải ngân cho các dự án phục vụ phát triển chiến lược khác đã được triển khai tuy nhiên vẫn còn chậm và rất ít so với dự kiến, chỉ mới thực hiện được khoảng 19% tổng giá trị đầu tư giai đoạn I (từ 2011 – 2014). Nguyên nhân chủ yếu là do (1) các thủ tục cấp phép của cơ quan nhà nước đối với các dự án “giao đất” bị chậm trễ (Dự án Đình Vũ, Gia Lâm...) và (2) Các dự án chỉ thực sự triển khai mạnh sau khi có phê duyệt của HĐQT về Mô hình đầu tư theo tư vấn của LBA về chiến lược phát triển Vinafco 2011-2020 vào tháng 9/2010 nhằm tránh những rủi ro đầu tư dàn trải, không đúng trọng tâm (Dự án Hậu Giang, Đà Nẵng, Bình Dương...)

Giá trị đầu tư thực tế của một số dự án như Thanh Trì có tăng so với dự kiến do trượt giá của các đầu vào như: vật liệu xây dựng, nhân công (lương cơ bản tăng vào tháng 5/2010, đạt 730.000/người); Tuy nhiên Ban Giám đốc tiếp tục cân nhắc loại bỏ/giảm thiểu tối đa những công trình chưa thực sự cần thiết để tiếp tục giảm suất đầu tư, giá trị đầu tư nghiệm thu đặt chỉ tiêu sẽ không vượt quá 4%.

Các dự án kho bãi tại Đà Nẵng và Bình Dương đều đạt được các mốc quan trọng, hai giao dịch giải ngân cho các dự án này là khoản tiền đặt cọc ban đầu cho thỏa thuận thuê đất đã được ký với Vinafco và đơn vị quản lý khai thác các khu công nghiệp (KCN).

Các dự án hỗ trợ phần lớn đều đạt kế hoạch giải ngân ngoại trừ hai dự án chi vượt là Dự án Tòa nhà và Dự án Exact, những khoản giải ngân cho các dự án này đều phát sinh từ nhu cầu triển khai thực tế và được quản lý chặt chẽ (riêng Dự án Exact có biến động lên tới 25% là do chênh lệch tỷ giá thanh toán và tỷ giá lập kế hoạch do sử dụng EUR là cơ sở quy đổi).

Trong năm 2010, bằng việc tham gia là đối tác chiến lược của Gemadept (GMD) để bước đầu tham gia khai thác các nguồn hàng cho hoạt động vận tải, dự kiến hai bên sẽ tiếp tục phối hợp tác sâu hơn nữa thông qua quá trình cổ phần hóa Vận tải Biển, thuê phương tiện vận tải biển và hệ thống kho của GMD.

Hoạt động đầu tư nâng cấp, sửa chữa lớn các thiết bị, hệ thống kho bãi tại Tiên Sơn và Bạch Đằng sẽ được tiếp tục trong năm 2010, khi các thủ tục xây dựng cơ bản cần hoàn thiện với cơ quan quản lý nhà nước được hoàn thiện cũng như có được phương án kỹ thuật phù hợp nhất.

Các Dự án sửa chữa lớn tài sản, đầu tư mới phương tiện vận tải, thiết bị phục vụ SXKD theo kế hoạch ngân sách năm 2010.

Tiến độ thực hiện cụ thể các dự án như sau:

Các dự án phát triển chuỗi kho bãi:

➤ **Dự án Bến xe tải Thanh Trì**

Các hoạt động chính trong năm 2010:

- Đầu tháng 03/2010 đã thực hiện xong công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho 128 hộ dân với tổng số tiền trên 39 tỷ đồng.
- Tháng 5/2010 dự án bước sang giai đoạn mới là thực hiện quá trình triển khai đầu tư: san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình cơ bản theo các hạng mục được thông qua. Tổ chức công tác tại hiện trường dự án: lập văn phòng Ban QLDA tại khu đất được cấp.
- Hoàn thành các thủ tục của nhà nước về công tác giải phóng mặt bằng, theo đó Vinafco có đầy đủ tư cách pháp lý về sở hữu khu đất dự án, như: quyết định phê duyệt phương án chi tiết đền bù giải phóng mặt bằng, điều chỉnh giấy CNQSD đất (sổ đỏ) của các hộ dân bị thu hồi, ký hợp đồng thuê đất...
- Cuối tháng 6/2010 đạt được các thỏa thuận tín dụng từ Ngân hàng Vietinbank tài trợ cho các hạng mục của Dự án với tổng dư nợ tín dụng 29 tỷ đồng với lãi suất 15%/năm theo đúng phương án đầu tư được phê duyệt. Mặc dù thời gian hoàn vốn là 03 năm (trung hạn) là thấp so với phương án (05 năm) nhưng vẫn đạt hiệu quả kinh tế mong đợi do giá trị của tài sản sau khi kết thúc thời gian hoàn vốn ở mức cao.
- Cuối tháng 08/2010 đã tiến hành lựa chọn được nhà thầu chính là Công ty cổ phần Beton 6 cho toàn bộ phần xây dựng các hạng mục cơ bản và bắt đầu triển khai thi công.
- Tháng 10/2010 đã bổ xung nhân sự cho Ban QLDA: cán bộ kỹ thuật giám sát thi công, cán bộ bảo vệ tại công trường...
- Thường xuyên phối hợp với Beton 6 (nhà thầu chính) để tiến hành đàm phán lựa chọn, giám sát thi công các thầu phụ đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình.
- 12/2010 thực hiện thủ tục đăng ký chế độ ưu đãi của nhà nước trong lĩnh vực dịch vụ công công: (1) khấu trừ thuế thuê đất vào tiền đã bỏ để giải phóng mặt bằng (2) Hoàn/miễn thuế trong thời gian bắt đầu triển khai đi vào hoạt động
- Đã điều chỉnh mức đầu tư các hạng mục cho phù hợp với biên động về đơn giá và yêu cầu kỹ thuật

Tiến độ đến 31/03/2011:

- Ngày 08/03/2011 đã bàn giao nhà kho số 1 để bắt đầu chuẩn bị khai thác
- Đã lên phương án vận hành và thực hiện đầu tư hệ thống kệ, xe nâng điện.
- Chi nhánh miền Bắc đã chuẩn bị xong về nhân lực chủ chốt vận hành kho.

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Thành lập công ty TNHH Thanh trì và chuyển giao tài sản, kho để quản lý vận hành khai thác tháng 5/2011

- Hoàn thành và bàn giao nhà kho số 2 vào ngày 30/04/2011
- Hoàn thành thủ tục đăng ký miễn giảm thuế và khấu trừ tiền đền bù đất vào giá thuê đất hàng năm: 05/2011
- Tiếp tục các thủ tục điều chỉnh các hạng mục đầu tư theo giấy phép ban đầu, dự kiến hoàn tất thủ tục vào tháng 8/2011
- Bắt đầu thực hiện triển khai đầu tư giai đoạn 2 vào tháng 09/2011

➤ **Dự án Bến xe tải Gia Lâm**

Các hoạt động chính trong năm 2010:

- Tháng 5/2010 rà soát lại các chi phí đã thực hiện làm cơ sở xem xét khả năng điều chỉnh tiến độ dự án nếu cần.
- Tháng 6/2010 tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục của dự án trong giai đoạn lập hồ sơ giải phóng mặt bằng, cụ thể
- Quyết định phê duyệt và thành lập Hội đồng GPMB và tổ công tác
- Thẩm định và ra quyết định phê duyệt kế hoạch chi tiết tổ chức GPMB
- Quyết định phê duyệt dự toán tổ chức GPMB
- Đã xúc tiến xin các cấp chính quyền (UBND thành phố Hà nội) điều chỉnh thực hiện dự án làm 02 giai đoạn xuất phát từ đặc thù của dự án: Giai đoạn I: thu hồi trước 19.000m² do UBND Thị trấn Gia Lâm quản lý và tiến hành xây dựng kho bãi ngay; Giai đoạn 2: thu hồi 1.100m² của 08 hộ dân.

Tiến độ đến 31/03/2011:

- Đã hoàn tất thủ tục xin chủ trương của UBND Thành phố về việc điều chỉnh thực hiện đầu tư dự án 02 giai đoạn.
- Cùng với các cơ quan quản lý nhà nước tham gia thành lập Ban Giải phóng mặt bằng và tổ chức các cuộc trao đổi lên phương án đền bù, giải phóng mặt bằng.

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Hoàn tất việc thực hiện giải ngân cho công tác giải phóng mặt bằng vào 8/2011 cho giai đoạn 1
- Thành lập công ty TNHH Thanh trì và chuyển giao tài sản, kho để quản lý hoạt động đầu tư 5/2011
- Thực hiện đầu tư ban đầu từ tháng 8 đến tháng 12/2011, sẵn sàng khai thác vào tháng 1/2012

➤ **Dự án trung tâm tiếp vận Đình Vũ – Hải phòng**

Các hoạt động chính trong năm 2010 và tiến độ đến 31/03/2011:

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan có thẩm quyền tại tp Hải phòng.
- Có phê duyệt về chủ trương của UBND thành phố Hải phòng

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Dự kiến chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng vào Q2/2011
- Thực hiện các hoạt động điều chỉnh vốn điều lệ, dự kiến hoàn tất vào tháng 7/2011
- Bắt đầu khởi công công tác san lấp mặt bằng vào tháng 8/2011

➤ **Dự án trung tâm tiếp vận Miền trung – KCN Hòa Cẩm – Đà Nẵng**

Các hoạt động chính trong năm 2010:

- Tháng 10/2010, ngay sau khi nhận được phê duyệt của HĐQT về chiến lược phát triển Vinafco giai đoạn 2011-2014, theo đó dự án xây dựng Trung tâm logistic tại Đà Nẵng đã được phê duyệt
- Tháng 11/2010 hoàn tất thủ tục thành lập công ty TNHH Đà Nẵng
- Ngày 02/12/2011 đã nhận văn bản chấp thuận về chủ trương của UBND thành phố Đà Nẵng đồng ý Công ty Vinafco thực hiện đầu tư logistic tại KCN Hòa Cẩm 2
- Đã hoàn thành công tác lập dự án đầu tư chuẩn bị hoàn tất thủ tục phê duyệt.

Tiến độ đến 31/03/2010:

- Tháng 01/2011 đã hoàn tất thủ tục giao nhận đất và ký hợp đồng thuê đất với Khu CN Hòa Cẩm, theo đó diện tích được giao lớn hơn dự kiến ban đầu, tạo thuận lợi cho phát triển toàn diện một trung tâm logistic hiện đại.
- Tháng 02/2011 đã hoàn tất thanh toán tiền thuê đất theo thực tế bàn giao.
- Tháng 03/2011 đã đàm phán và ký hợp đồng với nhà thầu chính Descon để triển khai hạng mục nhà kho số 1 với diện tích 5.000m²)

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Hoàn tất các thủ tục đầu tư dự án và tiếp tục thực hiện các thủ tục để cấp giấy CN QSDĐ: tháng 4/2011
- Dự kiến tháng 5/2011 hạng mục nhà kho số 1 được bàn giao, đưa vào khai thác
- Quý III/2011 bắt đầu thực hiện xây dựng nhà kho số 2 (10.000m²) kịp với yêu cầu khai thác.

➤ **Dự án trung tâm tiếp vận Miền nam – KCN Sóng thần 2 – Bình Dương**

Các hoạt động chính trong năm 2010:

- Đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty Đại nam về thỏa thuận thuê đất thực hiện dự án

Tiến độ đến 31/03/2010:

- Tháng 2/2011 đã thành lập Công ty TNHH Vinafco Bình Dương để trực tiếp xúc tiến, giám sát thủ tục đầu tư.
- Đã tiến hành thanh toán tiền thuê đất và có được Giấy CNQSDĐ

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Thực hiện đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng và hệ thống kho vào tháng 4/2011
- Bàn giao đưa vào khai thác 06/2011

➤ **Dự án trung tâm tiếp vận Miền Đông nam bộ – KCN Tân phú thành – Hậu giang**

Các hoạt động chính trong năm 2010:

- Tháng 5/2010 thay đổi phương án xin chuyển địa điểm đầu tư có lợi và phù hợp hơn
- Tháng 12/2010 đã thành lập Công ty TNHH Vinafco Hậu giang để trực tiếp xúc tiến, giám sát thủ tục đầu tư.
- Đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ngày 29/12/2010

Tiến độ đến 31/03/2010:

- Đã tiến hành tạm ứng lần 1 tiền đền bù giải phóng mặt bằng
- Đã nhận được kế hoạch của Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Hậu Giang và Ban QL các KCN tỉnh Hậu Giang

Kế hoạch thực hiện trong năm 2011:

- Thanh toán tiếp phần còn thiếu căn cứ quyết toán của Ban GPMB 04/2011
- Thực hiện đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng và hệ thống kho vào tháng 4/2011
- Bàn giao đưa vào khai thác 07/2011

Các Dự án sửa chữa lớn tài sản, đầu tư mới phương tiện vận tải, thiết bị phục vụ khác

Dự án	Đơn vị thực hiện	KH duyệt	Tình hình thực hiện năm 2010	Kết quả/Nguyên nhân
Các Dự án theo kế hoạch năm 2010				
Sửa chữa Tàu VFC25 lên đà định kỳ	Vận Tải Biển	6 tỷ 139 triệu	Thực hiện sớm hơn 01 tháng so với dự kiến	Hoàn thành đúng dự kiến
Mua phụ tùng tàu VFC25 phục vụ hoạt động thường xuyên	Vận Tải Biển	1 tỷ 700 triệu	Đã thực hiện	Hoàn thành đúng dự kiến
Sửa chữa xe nâng	Vận Tải Biển	111 triệu	Không thực hiện	Xe nâng đã được thanh lý để có nguồn đầu tư phương tiện mới
Sửa chữa lớn khu kho tại Tiên sơn và Bạch Đằng	Tiếp Vận	809 triệu	Không thực hiện	Đang xem xét đánh giá các phương án kỹ thuật và mức đầu tư có hiệu quả, việc đầu tư sẽ được chuyển sang năm 2011
Đầu tư xây thêm mới kho tại Tiên Sơn và Bạch Đằng	Tiếp Vận	3 tỷ 052 triệu	Không thực hiện	Do các thủ tục cấp phép xây dựng cần hoàn thiện với KCN, đồng thời tìm phương án kỹ thuật đầu tư hiệu quả
Đầu tư mua mới đội xe thùng và xe đầu kéo tại Hà nội	Vận tải và Dịch vụ	4 tỷ 100 triệu	Không thực hiện	Chưa tìm được phương án đầu tư hiệu quả như yêu cầu
Đầu tư mua mới đội xe tải nhẹ tại Hồ Chí Minh	Công ty cổ phần (VP HCM)	3 tỷ 100 triệu	Đã thực hiện Vốn CSH 1 tỷ 8 Vay tính dụng 2 tỷ 2	Đây là kế hoạch bổ sung, sử dụng nguồn từ dự án đầu tư cho phương tiện vận tải tại Hà nội Hoàn thành đúng dự kiến
Sửa chữa lớn cho đội xe tại TP HCM	Văn phòng HCM	776 triệu	Không thực hiện	Chưa tìm được phương án đầu tư hiệu quả như yêu cầu

Phần lớn các hoạt động đầu tư nâng cấp, sửa chữa lớn các thiết bị, hệ thống kho bãi và phương tiện vận tải đường bộ chưa được phê duyệt đầu tư do chưa tìm được phương án đầu tư hiệu quả như yêu cầu.

Tình hình thực hiện giải ngân cho các dự án thực hiện trong năm 2010

Tên hạng mục	Tổng nhu cầu vốn của (đã được ĐHCĐ 2009 phê duyệt)	Giải ngân (31/12/2009)	Giải ngân trong năm 2010	Giải ngân đến (31/12/2010)		Trong đó đã thực hiện theo nguồn vốn				
				Giá trị	Tỷ lệ	Nguồn đi vay trung/ dài hạn		Nguồn từ phát hành trái phiếu 150 tỷ		Nguồn từ vốn chủ sở hữu
						Giải ngân	Lãi suất	Giải ngân	Lãi suất	
Dự án kho bãi Thanh trì (GD I)	78,736,663	2,697,892	78,280,380	80,978,272	103%	28,915,151	14.50%			52,063,121
Dự án kho bãi Thanh trì (GD II)	38,628,000				0%					-
Dự án kho bãi Trâu quý (GD I)	20,900,000	816,144	2,242,019	3,058,163	15%					3,058,163
Dự án kho bãi Trâu quý (GD II)	9,500,000									-
Dự án k/b Đình Vũ - Hải phòng (GD I)	129,314,000	4,300,000	2,000,000	6,300,000	5%					6,300,000
Dự án k/b Đình Vũ - Hải phòng (GD II)	93,971,000									-
Dự án kho bãi Hậu Giang (GD I)	92,142,500		790,000	790,000	1%			790,000	8.10%	-
Dự án kho bãi Hậu Giang (GD II)	48,285,000									-
Dự án kho bãi Đà Nẵng (GD I)	48,342,900		5,500,000	5,500,000	11%			5,500,000	8.10%	-
Dự án kho bãi Đà Nẵng (GD II)	51,817,875									-
Dự án kho bãi Bình Dương (GD I)	162,942,000		12,710,648	12,710,648	8%			12,710,648	8.10%	-
Dự án kho bãi Bình Dương (GD II)	38,628,000									-
Dự án trung tâm phân phối cảng Hà nội	57,942,000				0%					-
Dự án trung tâm phân HCM					0%					-
Tổng dự án chiến lược	871,149,938	7,814,036	101,523,047	109,337,083	13%	28,915,151		19,000,648		61,421,284
Tòa nhà (phần chi DA)	1,519,500	854,500	5,518,085	6,372,585	419%					6,372,585
Hệ thống quản lý tài chính - Exact	2,428,287	1,579,036	1,695,881	3,274,917	135%					3,274,917
Dự án hệ thống CNTT phục vụ SXKD	2,000,000				0%					-
Dự án mua sắm phương tiện và hệ thống thiết bị kho bãi	8,852,450		3,491,129	3,491,129	39%					3,491,129
Dự án đầu tư xây dựng thương hiệu và phát triển chiến lược - Tư vấn LBA	5,000,000		4,697,029	4,697,029	94%					4,697,029
Dự án phát triển hệ thống phương tiện và cảng biển	700,000,000		43,200,000	43,200,000	6%			43,200,000	8.10%	-
Tổng dự án bổ trợ	719,800,237	2,433,536	58,602,124	61,035,660	8%			43,200,000		17,835,660
Tổng cộng	1,590,950,175	10,247,572	160,125,171	170,372,743	11%	28,915,151		62,200,648		79,256,944

D. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Công tác tổ chức – nhân sự

Trong năm 2010, công ty tiếp tục hoàn thiện, tinh chỉnh cơ cấu đội ngũ, tổ chức các bộ phận phù hợp định hướng và chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua, tạo sự ổn định và tiền đề phát triển trong năm 2011. Cụ thể:

- Chuyển các ban kinh doanh: Ban kinh doanh 1 về Công ty vận tải và dịch vụ vận tải: tháng 4/2010; Ban Kinh doanh 2 về Công ty Vận tải biển từ tháng 7/2010, xây dựng mới bộ phận sales và marketing tại công ty cổ phần VINAFCO để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp.
- Thành lập chi nhánh Hồ Chí Minh trên cơ sở Văn phòng đại diện, nhằm nâng hoạt động tại khu vực phía Nam phát triển mạnh mẽ, là bàn đạp thực hiện các hoạt động kinh doanh, đầu tư, xây dựng hệ thống và phát triển khách hàng khu vực miền Nam và tây Nam Bộ.
- Các bước ban đầu về chuyển hình thức sang công ty cổ phần của công ty TNHH Vận tải biển VINAFCO, nhằm thu hút vốn đầu tư, phát triển đội tàu, khai thác thế mạnh của thương hiệu và tạo sự chủ động trong phát triển SXKD về lĩnh vực vận tải biển.
- Thành lập Công ty TNHH VINAFCO Đà Nẵng/ Bình Dương/ Hậu Giang/Công ty Đầu tư VINAFCO Hà Nội... để tiếp quản, khai thác vận hành các dự án đầu tư đang thực hiện trong những năm tới.

Một số thay đổi về nhân sự chủ chốt:

Thay đổi/Nghi việc:

- Giám đốc Ban QLDA Bến xe tải và DVCC Thanh Trì/Gia Lâm.
- Trưởng phòng, phó phòng Hành chính, Pháp chế.
- Giám đốc ban Kinh doanh 1 và 2.

Bổ sung/Bổ nhiệm:

- 01 Phó Giám đốc công ty Vận tải biển.
- 01 Phó Giám đốc công ty Vận tải và dịch vụ.
- Giám đốc ban QLDA Bến xe tải & DVCC Thanh Trì/Gia Lâm.
- Giám đốc Logistics Miền Bắc.
- Giám đốc và kế toán trưởng công ty TNHH Vinafco Đà Nẵng.
- Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Giám đốc các Ban QLDA Hậu Giang/Bình Dương

Cơ cấu lao động của Vinafco trong năm 2010:

Tên đơn vị	Số lao động 01/01/2010	Số giảm trong năm	Số tăng trong năm	Số lao động tại 31/12/2010
Văn phòng cty Vinafco (bao gồm CN HCM)	141	25	1	116
Cty TNHH Tiếp vận	123	0	8	131
Cty TNHH Vận tải biển	74	0	51	125
Cty TNHH Vận tải & Dịch vụ Vinafco (T&S)	127	18	0	109
Cty TNHH Vinafco Đà Nẵng	0	0	2	2
Toàn công ty Vinafco	465	43	62	489

Ghi chú: trong năm 2010 không có nhiều biến động về nhân sự, các thay đổi chủ yếu liên quan đến luân chuyển nhân viên trong các công ty thành viên của Vinafco cho phù hợp với chức năng hoạt động của bộ phận.

Chính sách với người lao động:

*** Tiền lương:**

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương, xây dựng các thang bảng lương làm cơ sở trả lương cho các vị trí công việc đảm bảo sự công bằng và tương xứng với mức độ lao động, cống hiến của người lao động. Công ty thực hiện việc trả lương hàng tháng kịp thời và đầy đủ.

Mức lương bình quân của NLD trong toàn VINAFCO năm 2010 là 4,5 triệu đồng/người/tháng, so với 4,1 triệu đồng/người/tháng của năm 2009, tăng 9,8%.

*** Chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp:**

Được công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Ngoài ra công ty còn thực hiện chế độ Bảo hiểm tại nạn cho 100% CBNV nhằm hạn chế các rủi ro nếu có xảy ra đối với người lao động.

*** Các chế độ khác:**

Ngoài tiền lương và các quyền lợi được hưởng theo các qui chế hiện hành của Công ty (khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm, đào tạo,...), NLD của Công ty được tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể do Công đoàn và Công ty phối hợp tổ chức (đi tham quan, sinh nhật tập thể, nghỉ hè).

Công ty cũng đảm bảo trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động, đầu tư hệ thống/phương tiện/đào tạo nghiệp vụ PCCN, Vệ sinh môi trường, do đó trong năm không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ trong quá trình hoạt động SXKD.

2. Các công tác quản trị nổi bật khác:

- Hoàn thành việc xây dựng và được HĐQT phê duyệt “*Dự án phát triển chiến lược giai đoạn 2011-2020*” với sự hỗ trợ của Công ty tư vấn hàng đầu của Úc. Theo chiến lược phát triển này, VINAFCO sẽ phấn đấu trở thành công ty cung cấp dịch vụ 3PL hàng đầu tại Việt Nam khi giai đoạn 1 của chiến lược kết thúc vào cuối năm 2014, trên cơ sở đánh giá thành công của Giai đoạn 1 sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư và phát triển trong giai đoạn 2 (2015-2020).
- Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh, chuyên nghiệp hóa các qui trình hoạt động (best practice) tại các Ban kinh doanh, phòng/ban nghiệp vụ trực thuộc TCT, các chi nhánh và công ty thành viên tạo sự phối hợp, kết nối trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong cả nước.
- Duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh song song với việc phát triển thêm các khách hàng mới (chú trọng đặc biệt đến khách hàng sử dụng chuỗi dịch vụ logistics, trong nước & quốc tế) theo định hướng phát triển chiến lược.
- Triển khai đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống cơ sở hạ tầng, kho bãi tại Thanh Tri/Gia Lâm- Hà Nội; Đình Vũ-Hải Phòng; Hòa Cầm-Đà Nẵng; Bình Dương; Hậu Giang, làm tiền đề cho việc xây dựng và phát triển theo chiến lược đã thông qua.
- Chuyển địa điểm Văn phòng chính của công ty và một số đơn vị thành viên lên cùng một tòa nhà văn phòng hạng A, hiện đại, chuyên nghiệp, nâng cao điều kiện làm việc, thuận tiện trong chỉ đạo, điều hành, giao dịch cũng như tạo hình ảnh chuyên nghiệp trong hoạt động của công ty.
- Hoàn thành và đưa vào ứng dụng Bộ nhận dạng thương hiệu mới (CIP) trong năm 2010.

IV. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2011

1. Mục tiêu hoạt động nhân sự/tổ chức:

- Điều chỉnh các chính sách, chế độ phù hợp với giai đoạn phát triển mới, nhằm thu hút nguồn nhân lực có đủ năng lực để phát triển theo mục tiêu đặt ra.
- Rà soát và đánh giá lại đội ngũ cán bộ nhân viên, qua đó tiếp tục thay thế, tuyển dụng bổ sung đào tạo các vị trí trong hệ thống nhằm phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với kế hoạch phát triển SXKD và đầu tư mới (bao gồm cả các vị trí lãnh đạo và chuyên gia người nước ngoài)
- Thực hiện chương trình tuyển dụng nhóm cán bộ trẻ, có năng lực, tố chất, được đào tạo bài bản để phát triển thành lực lượng nòng cốt trong các dịch vụ của công ty.
- Cải thiện môi trường văn hoá/môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo lập kênh thông tin đến từng CBNV tạo sự hiểu và cùng nhau hướng tới những mục tiêu phát triển chung của doanh nghiệp.
- Xây dựng văn hóa “đánh giá theo hiệu quả công việc” bằng việc áp dụng Hệ thống Bảng Điểm Cân Bằng (Balanced Scorecard)

2. Mục tiêu hoạt động quản trị/điều hành doanh nghiệp:

- Hoàn thiện hệ thống quản trị (best practice) trong tất cả các hoạt động: SXKD, phát triển thị trường, marketing, nhân sự-pháp chế-hành chính, IT, PR, xây dựng đầu tư cơ bản v.v.
- Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả hoạt động (Phần mềm quản trị kho bãi WMS, phần mềm điều hành vận tải TMS, phần mềm quản trị Tài chính – Kế toán EXACT, website và hệ thống thông tin nội bộ Intranet).
- Nâng cao tính phối hợp trong các mảng hoạt động, các trung tâm doanh thu – chi phí – lợi nhuận nhằm đánh giá sát thực về hiệu quả SXKD, tạo cơ sở phát triển đầu tư.

3. Mục tiêu hoạt động phát triển thị trường/khách hàng/dịch vụ:

- Tiến hành rà soát, cơ cấu lại hệ thống khách hàng (tập trung các khách hàng lớn và/hoặc tiềm năng hiệu quả) sử dụng nhiều dịch vụ trong chuỗi dịch vụ 3PL mà Vinafco đang cung cấp.
- Ứng dụng quy trình quản lý khách hàng (CRM) nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung khai thác khách hàng mới theo các mảng chiến lược đã được thông qua (B6)
- Xây dựng mô hình và triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) trong hoạt động 3PL
- Triển khai công tác công bố thông tin, đối ngoại (PR) nhằm cập nhật tình hình hoạt động của Vinafco cho nhà đầu tư, đối tác, khách hàng v.v. thông qua đó quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp hiệu quả

4. Mục tiêu hoạt động tài chính - đầu tư:

- Hoàn thành kế hoạch doanh thu/lợi nhuận 2011 (doanh thu tăng 96% so với thực hiện của 2010). Đảm bảo duy trì tốc độ tăng doanh thu tối thiểu 40% - 50% trong các năm 2012 – 2014 (giai đoạn 1 của Chiến lược phát triển Vinafco).

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, cơ cấu nguồn vốn (cổ phần hóa công ty Vận Tải Biển v.v.), huy động vốn phục vụ đầu tư
- Triển khai các dự án đầu tư và đưa vào hoạt động theo đúng kế hoạch (kho bãi tại Thanh Trì, Đà Nẵng, Hậu Giang, Hải Phòng v.v.)

Mục tiêu chính của năm 2011 là “Tập trung xây dựng và đưa vào hoạt động các dự án đầu tư; Đầu tư và phát triển nguồn lực nhân sự, thúc đẩy mạnh hoạt động phát triển kinh doanh, tạo bước đột phá trong thực hiện chiến lược 2011-2014”

V. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Vinafco được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - con, bao gồm Công ty mẹ, các đơn vị thành viên độc lập hạch toán độc lập 100% vốn của Vinafco và các đơn vị có vốn của Vinafco có góp vốn liên doanh liên kết.

Cơ cấu tổ chức tại thời điểm tháng 31/3/2011:

Các phòng/ ban tại Văn phòng công ty:

- Ban Tài chính - Kế toán
- Phòng Nhân sự- Hành chính – Tổng hợp- Ban Phát triển thị trường
- Bộ phận Phân tích kinh doanh (Business Analyses)
- Bộ phận An toàn – Sức khỏe – Môi trường (HS & E)
- Bộ phận Quản lý hệ thống nhà cung cấp (Procurement)
- Ban Quản lý dự án bến xe tải Thành Trì và Gia Lâm
- Chi nhánh Miền Bắc công ty cổ phần Vinafco
- Chi nhánh Miền Nam công ty cổ phần Vinafco

Công ty 100% vốn Vinafco:

- Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco
- Công ty TNHH Vận tải biển Vinafco
- Công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco
- Công ty Đầu tư Vinafco Hà Nội
- Công ty TNHH Vinafco Đà Nẵng.
- Công ty TNHH Vinafco Hậu Giang

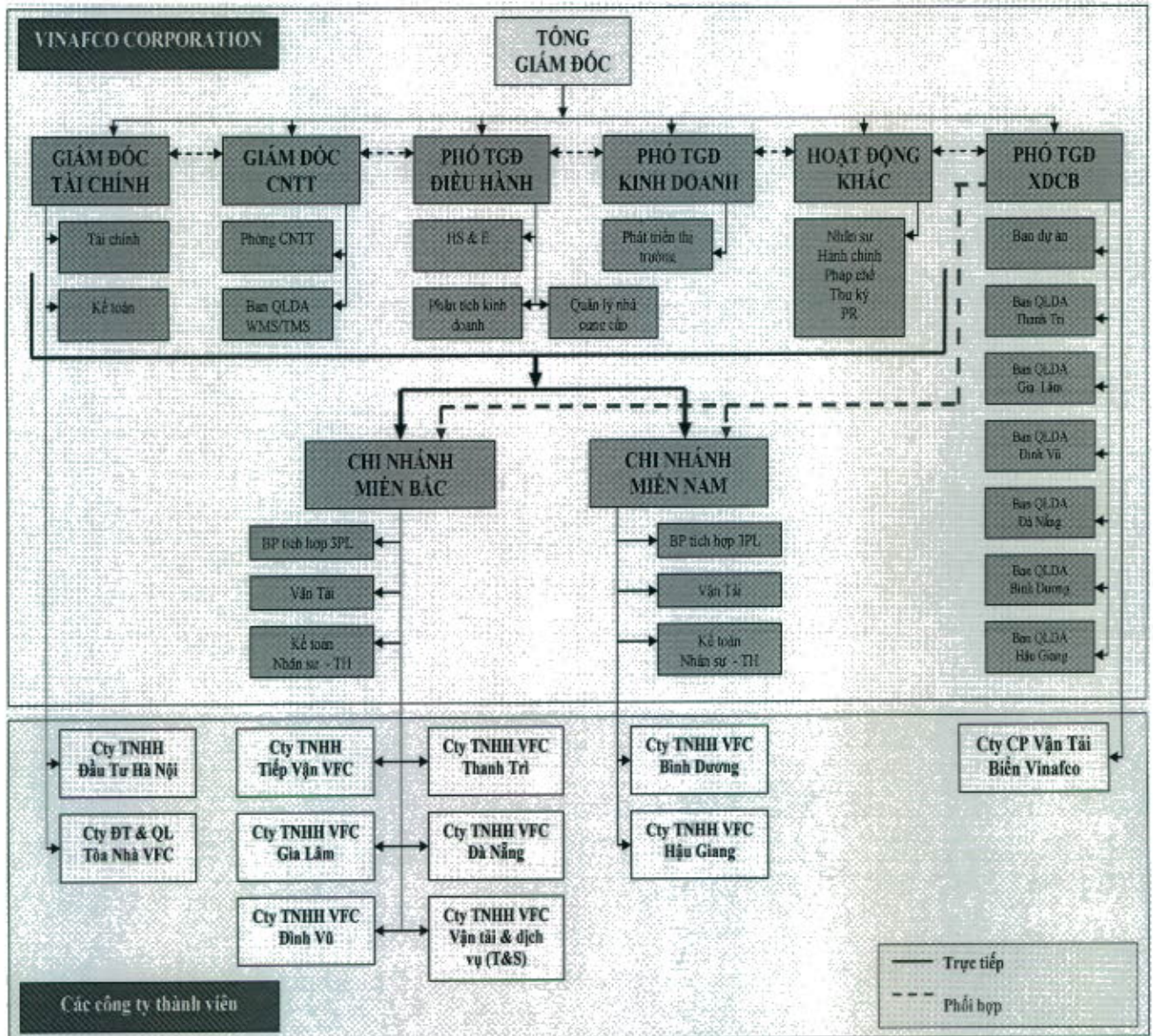
Công ty Liên doanh :

- Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long (Draco)

Công ty có vốn góp của VINAFCO:

- Công ty TNHH Tiếp Vận Vinafco Đình Vũ
- Công ty TNHH đầu tư và Quản lý toà nhà Vinafco

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO 2011 (dự kiến)



B. GIỚI THIỆU CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH CHỦ CHỐT (31/03/2011)

Ban điều hành công ty cổ phần VINAFCO

1. Ông Trịnh Ngọc Hiến (Quốc tịch: Việt Nam) - Sinh năm: 1967

- **Chức vụ:** Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc.
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Thạc sĩ ngôn ngữ (CHLB Nga) ; Cử nhân chuyên ngành Tài chính Bảo Hiểm (Úc – New Zealand).
Trước khi tham gia quản lý, điều hành VINAFCO năm 2007, ông Hiến có gần 10 năm học tập và kinh doanh tại CHLB Nga (1985-1995) và 12 năm làm việc trên nhiều cương vị lãnh đạo, quản lý khác nhau tại tập đoàn tư vấn bảo hiểm Aon (Mỹ) tại Việt Nam (1995-2007).

2. Ông Dương Đức Tặng (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1953

- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc thứ nhất.
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân Hà nội.

Có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải, dịch vụ vận tải, logistics, Ông là người đã gắn bó và trải qua nhiều vị trí quản lý khác nhau từ khi Vinafco mới thành lập: Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Vinafco; Phó Tổng giám đốc công ty liên doanh Draco, Giám đốc các công ty thành viên của Vinafco: Vận tải biển, Thương mại và dịch vụ...Trước khi bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, Ông Tặng là Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco, công ty thành viên chuyên về dịch vụ logistics.

3. Ông Bùi Tường Hiếu (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1975

- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc phụ trách phát triển kinh doanh
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Tốt nghiệp Đại học kinh tế, Ông Hiếu có 10 năm kinh nghiệm về tổ chức kinh doanh/dịch vụ logistics. Là người am hiểu và nhiều kinh nghiệm trong tổ chức các dịch vụ 3PL, dịch vụ phân phối hàng hoá, kho bãi...Trước khi bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Ông Hiếu đã có nhiều năm làm việc tại công ty TNHH Tiếp vận Vinafco với các vị trí: Trưởng Trung tâm Tiếp vận Bạch Đằng ; Phó Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco.

4. Ông Andrew John Hulse (Quốc tịch: Anh) - Sinh năm 1965

- **Chức vụ:** Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành sản xuất
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Là người nhiều năm làm việc tại các công ty đa quốc gia, có kinh nghiệm trong tổ chức hệ thống, triển khai xây dựng và thực hiện các chuẩn mực về kho hàng, vận tải phân phối và các dịch vụ logistics khác. Ông đã làm việc tại Việt Nam hơn 10 năm với các vị trí quản lý, điều hành, quản trị chuỗi cung ứng logistics cho các công ty nước ngoài, công ty liên doanh hoạt động tại Việt Nam

5. Ông Nguyễn Thái Dương (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1972

- **Chức vụ:** Giám đốc tài chính.
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Ông Dương đã tốt nghiệp các chương đào tạo đại học về kinh tế, luật, kiểm toán và là thạc sĩ quản trị kinh doanh. Trước khi giữ cương vị Giám đốc tài chính Công

ty Cổ phần Vinafco, ông Nguyễn Thái Dương đã từng làm việc tại Grant Thornton Viet Nam, AIA Viet Nam, ABB Viet Nam, khách sạn Vườn Thủ Đô và công ty kiểm toán Ernst & Young Viet Nam.

6. Bà Nguyễn Phương Mai (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1961

- **Chức vụ:** Kế toán trưởng.
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Tốt nghiệp Đại học kinh tế khoa kế toán, Bà Mai có thời gian công tác tại Vụ Tài chính kế toán- Bộ GTVT, từ 1988 bà Mai công tác kế toán tại công ty Vinafco, nhiều năm kinh nghiệm tại vị trí kế toán trưởng công ty.

Giám đốc các chi nhánh/đơn vị thành viên chủ chốt của VINAFCO:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1962

- **Chức vụ:** Giám Đốc công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Vinafco
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Ông Tuấn tốt nghiệp Đại học Giao thông vận tải, có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, vận tải đa phương thức, vận tải quá cảnh Lào -Thái Lan - Campuchia. Trước khi bổ nhiệm giám đốc công ty TNHH Vận tải và dịch vụ Vinafco, Ông Tuấn có nhiều năm làm Phó Giám đốc Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco.

2. Ông Nguyễn Ngọc Thạch (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1963

- **Chức vụ:** Giám Đốc công ty TNHH Vận Tải Biển Vinafco
- **Chuyên môn/kinh nghiệm:** Kỹ sư kinh tế. Trước khi làm việc tại Vinafco, ông đã từng công tác tại Xí nghiệp dịch vụ vận tải xe khách Quảng Ninh. Ông Thạch có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải và đặc biệt là lĩnh vực vận tải biển.

3. Ông Đặng Tiến Thành (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1978

- **Chức vụ:** Giám Đốc chi nhánh Miền Bắc công ty cổ phần Vinafco/Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Kỹ sư kinh tế- Đại học GTVT, nhiều năm tìm hiểu/phát triển các dịch vụ logistics như dịch vụ 3PL cho sơn ICI, dịch vụ phân phối hàng hoá dự án lớn cho Huawei, Vinaphone... Là người am hiểu trong lĩnh vực hoạt động logistics, kho vận. Trước khi bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh miền Bắc/Giám đốc công ty TNHH Tiếp vận Vinafco, Ông đã từng giữ vị trí: Trưởng bộ phận dịch vụ 3 PL cho sơn ICI; Phó Giám đốc Trung tâm tiếp vận Bạch Đằng- Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco.

4. Ông Nguyễn Hồng Phước (Quốc tịch: Việt Nam) – Sinh năm 1974

- **Chức vụ:** Giám Đốc chi nhánh Miền Nam công ty cổ phần Vinafco
- **Chuyên môn/Kinh nghiệm:** Cử nhân kinh tế - Đại học ngoại thương và tham dự các khóa đào tạo nghiệp vụ logistics tại Singapore. Là người có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh, tổ chức các dịch vụ logistics, Ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý trong các công ty logistics như: Agility Việt nam; TPA Chemical Ltd Co; Ltd. Với vị trí Giám đốc Chi nhánh Miền Nam-Công ty cổ phần Vinafco, Ông đang cùng đội ngũ Vinafco góp phần phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu vực phía Nam.

Lưu ý: Trong năm 2010 và cho đến tháng 3/2011, trong cơ cấu Ban điều hành công ty cổ phần Vinafco có bổ sung 01 Phó Tổng Giám Đốc (Andrew Hulse), bổ nhiệm 02 vị trí Giám đốc chi nhánh: Miền Bắc (Đặng Tiến Thành), Miền Nam (Nguyễn Hồng Phước).

C. QUYỀN LỢI CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Công ty hiện đang áp dụng quy chế trả lương và các thang bảng lương cho tất cả các vị trí trong Công ty theo năng lực/khả năng đáp ứng công việc được giao.

Với Ban Tổng Giám đốc và Giám đốc các chi nhánh/đơn vị thành viên được trả lương theo hình thức trọn gói thời gian, mức lương cạnh tranh so với thị trường và tương xứng với các đóng góp của mỗi vị trí/công việc được giao đảm nhiệm.

Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty còn có các chế độ tiền thưởng hàng năm gắn với hiệu quả SXKD chung của Công ty và các đơn vị thành viên.

Các chế độ khác như BHXH, BHYT được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Luật Lao động.

VI. THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2010

Trong năm 2010, HĐQT đã tiến hành thực hiện các công tác quản lý và chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của công ty cũng như thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ.

HĐQT tổ chức 03 phiên họp thường kỳ và 9 phiên họp bất thường trao đổi qua email để thông qua các vấn đề theo nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Các vấn đề đều được thông qua với sự đồng thuận cao của các Thành viên HĐQT.

- Thành lập Văn phòng đại diện Công ty tại Cần Thơ. Bổ nhiệm trưởng VPDD
- Thành lập Công ty TNHH Vinafco Hậu Giang và cử người đại diện quản lý phần vốn
- Chuyển đổi loại hình Công ty TNHH đầu tư và quản lý toà nhà Vinafco
- Thành lập Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh. Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh
- Thành lập Công ty TNHH Vinafco Đà Nẵng và cử người đại diện quản lý phần vốn
- Thành lập Công ty TNHH Vinafco Bình Dương và cử người đại diện quản lý phần vốn.
- Thông qua mô hình tổ chức mới phục vụ chiến lược phát triển Vinafco giai đoạn 2011-2014.
- Phê duyệt điều chỉnh một số hạng mục đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình “Bến xe tải và dịch vụ công cộng Thanh Trì”
- Thông qua chủ trương tái cơ cấu công ty TNHH Vận tải biển Vinafco, Công ty TNHH vận tải và dịch vụ Vinafco.
- Chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty khoáng sản Nghệ An.
- Cơ cấu nguồn vốn góp tại Công ty Vinafco Đình Vũ, Công ty Tiếp vận Thăng Long (Draco) và Công ty Đầu tư và quản lý toà nhà Vinafco
- Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện thành công việc phát hành trái phiếu chuyển đổi (150 tỷ đồng) theo Nghị quyết ĐHCĐ, đáp ứng vốn đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phê duyệt các báo cáo đầu tư tại Đà Nẵng, Bình Dương, Hậu Giang
- Thông qua “Chiến lược phát triển Vinafco 2011-2020”

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

Trong năm 2010, Ban kiểm soát tổ chức 02 phiên họp thường kỳ để thông qua các vấn đề theo nhiệm vụ và quyền hạn của BKS. Các vấn đề đều được thông qua với sự đồng thuận cao của các Thành viên BKS.

-Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trong năm các thành viên Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát tình hình hoạt động của toàn Vinafco. Các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên liên lạc với nhau để trao đổi thông tin trong nội bộ Ban kiểm soát cũng như trao đổi thông tin cụ thể với các bộ phận, phòng ban của toàn Vinafco để có những kiến nghị kịp thời. Các kiến nghị của Ban kiểm soát gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành tập trung ở những vấn đề sau:

- + Cơ cấu lại bộ máy tài chính kế toán của công ty
- + Hỗ trợ xây dựng các quy trình hạch toán kế toán, hệ thống mã khách hàng đồng nhất, quy trình hạch toán đồng nhất trong toàn tập đoàn.
- + Thẩm định tính trung thực của Báo cáo tài chính quý, năm
- + Tham gia công tác kiểm định hiệu quả, rà soát các chỉ tiêu tài chính và đánh giá hiệu quả dự án
- + Giám sát hiệu quả sử dụng dòng tiền, sử dụng chi phí

C. THÙ LAO CỦA HĐQT/BAN KIỂM SOÁT/TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2010

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN/NĂM VNĐ (số liệu sau thuế)	GHI CHÚ
I/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Trịnh Ngọc Hiến	Chủ tịch	120.000.000	12 tháng
2	Ông Trịnh Thanh Phong	Phó Chủ tịch	7.200.000	12 tháng
3	Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên	7.200.000	12 tháng
4	Ông Nguyễn Nam Thắng	Thành viên	7.200.000	12 tháng
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	7.200.000	12 tháng
6	Bà Phạm Lê Văn Anh	Thành viên	7.200.000	12 tháng
7	Ông Huỳnh Bá Thăng Long	Thành viên	7.200.000	12 tháng
8	Ông Veretennikov Vladimir	Thành viên	7.200.000	12 tháng
	Cộng		170.400.000	
II/ BAN KIỂM SOÁT				
1	Dương Thị Luyến	Trưởng ban	7.200.000	12 tháng
2	Nguyễn Thị Minh Thuận	Thành viên	4.800.000	12 tháng
3	Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên	4.000.000	10 tháng
4	Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên	4.800.000	12 tháng
	Cộng		20.800.000	
III/ TỔNG GIÁM ĐỐC				
	Ông Trịnh Ngọc Hiến		624.000.000	12 tháng
	Tổng cộng		815.200.000	

D. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN NĂM 2010

- Bà Nguyễn Phương Mai- Kế toán trưởng Công ty đã bán 33.000 cổ phiếu
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thành viên Hội đồng quản trị đã bán 72.280 cổ phiếu
- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền người liên quan (em ruột) của Bà Nguyễn Thị Thu Hà đã giao dịch bán 10000 cổ phiếu, mua 500 cổ phiếu
- Tổ chức liên quan (VI Fund 1) của ông Phan Thanh lộc đã bán 1.067.350 cổ phiếu

E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (13/03/2011)

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	19.005.586	95,03%	994.414	4,97%	20.000.000	100%
1. Cổ đông cá nhân	10.250.208	51,25%	150.267	0,75%	10.400.475	52%
2. Cổ đông tổ chức	8.755.378	43,78%	844.147	4,22%	9.599.525	48%

Danh sách cổ đông lớn(11/03/2011)

Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Quốc tịch	SL CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Golden AGE	104784574	137 ngõ 318 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội	VIỆT NAM	8586396	42,93%

VI. CÁC PHỤ LỤC:

A. Phụ lục 1: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2010

**TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRỊNH NGỌC HIỀN



Số: *A5A/2011/BC.TC-AASC.KT5*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Vinafco*

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinafco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vinafco được lập ngày 16 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

Các khoản đầu tư tài chính vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc mà chưa thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó (nếu có), Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinafco tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh

và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính



Kế toán và Kiểm toán
Tổng Giám đốc
Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		378.843.016.431	288.143.567.748
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		194.629.235.183	185.874.927.435
111	1. Tiền	03	31.093.118.043	13.448.498.435
112	2. Các khoản tương đương tiền	04	163.536.117.140	172.426.429.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	05	17.850.378.480	10.637.835.713
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.532.260.000	13.380.977.787
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.681.881.520)	(2.743.142.074)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		139.112.733.280	71.172.415.343
131	1. Phải thu của khách hàng		77.288.220.158	70.440.630.387
132	2. Trả trước cho người bán		59.034.855.757	996.852.676
135	5. Các khoản phải thu khác	06	7.481.594.562	3.081.479.053
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.691.937.197)	(3.346.546.773)
140	IV. Hàng tồn kho	07	11.248.277.980	7.967.224.463
141	1. Hàng tồn kho		11.248.277.980	7.967.224.463
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.002.391.508	12.491.164.794
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.332.174.877	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.204.412.331	8.693.939.698
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		9.453.674.964	3.797.225.096
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		179.540.927.579	80.661.635.875
220	II. Tài sản cố định		103.860.874.090	52.800.808.229
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	32.503.203.422	39.886.287.162
222	- Nguyên giá		129.125.795.698	130.096.044.920
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(96.622.592.276)	(90.209.757.758)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	09	156.648.762	686.861.474
225	- Nguyên giá		1.186.831.349	1.889.401.980
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.030.182.587)	(1.202.540.506)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	8.554.903.657	8.951.152.140
228	- Nguyên giá		11.809.510.135	11.757.210.135
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.254.606.478)	(2.806.057.995)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	62.646.118.249	3.276.507.453
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	69.156.830.730	18.457.084.970
251	1. Đầu tư vào công ty con		14.356.830.730	16.857.084.970
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		54.800.000.000	1.600.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		6.523.222.759	9.403.742.676
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.491.718.178	8.014.039.283
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	111.677.699	23.236.586
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		919.826.882	1.366.466.807
268	3. Tài sản dài hạn khác	14		
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		558.383.944.010	368.805.203.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		260.926.608.842	88.228.781.743
310	I. Nợ ngắn hạn		80.062.329.520	76.832.313.726
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	19.103.344.755	21.456.055.576
312	2. Phải trả người bán		39.438.640.043	37.339.450.002
313	3. Người mua trả tiền trước		794.860.568	118.204.594
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.277.912.541	10.591.055.915
315	5. Phải trả người lao động		4.532.356.704	3.621.465.033
316	6. Chi phí phải trả	17	1.558.431.504	1.935.766.939
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	5.080.811.879	1.689.953.277
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		275.971.526	80.362.390
330	II. Nợ dài hạn		180.864.279.322	11.396.468.017
333	3. Phải trả dài hạn khác		532.425.872	322.594.100
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	178.913.083.054	8.103.137.084
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		238.516.300	268.191.895
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		1.180.254.096	2.702.544.938
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		297.220.078.582	280.576.421.880
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	297.220.078.582	280.576.421.880
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.847.272.500	45.847.272.500
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.661.313.681	1.267.689.265
414	4. Cổ phiếu ngân quỹ		(238.790.000)	(238.790.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(65.317.173)	(133.884.385)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		9.300.535.841	9.300.535.841
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.595.025.714	3.595.025.714
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối		37.120.038.019	20.938.572.945
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		237.256.586	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>558.383.944.010</u>	<u>368.805.203.623</u>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
4. Nợ khó đòi đã xử lý		9.300.000	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		87.663	83.598

Người lập biểu

Trần Thu Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Phương Mai

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Trịnh Ngọc Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010		Năm 2009	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	421.490.614.195		363.545.290.805	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		421.490.614.195		363.545.290.805	
11	4. Giá vốn hàng bán	22	380.578.435.536		332.410.306.316	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.912.178.659		31.134.984.489	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25.587.314.900		29.247.044.110	
22	7. Chi phí tài chính	24	9.131.749.814		4.083.537.929	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.369.302.043		2.756.959.784	
24	8. Chi phí bán hàng		-		59.212.500	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		36.535.466.932		30.942.565.365	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.832.276.813		25.296.712.805	
31	11. Thu nhập khác		7.252.510.773		3.029.045.570	
32	12. Chi phí khác		4.615.336.403		3.770.611.400	
40	13. Lợi nhuận khác		2.637.174.370		(741.565.830)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.469.451.183		24.555.146.975	
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	6.097.161.422		4.853.157.559	
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26	(70.140.483)		20.768.608	
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>17.442.430.244</u>		<u>19.681.220.808</u>	
61	17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(62.743.414)			
62	17.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		<u>17.505.173.658</u>		<u>19.681.220.808</u>	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27		873		985

Người lập biểu



Trần Thu Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Phương Mai

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Trịnh Ngọc Hiến